

Số: 2215233

|                                                | Mazda CX-5 2.0L Premium Exclusive             | Peugeot 3008 Allure      |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 869.000.000đ                                  | 929.000.000đ             |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                               |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4590 x 1845 x 1680                            | 4510 x 1850 x 1650       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2700                                          | 2730                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5500                                          | 5200                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                           | 165                      |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1550                                          | 1450                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2000                                          | 1900                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 442                                           | 520                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 56                                            | 53                       |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                             | 5                        |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                              | SX-LR trong nước         |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                               |                          |
| Loại động cơ                                   | 2.0L Skyactive - G                            | 1.6L Turbo High Pressure |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998                                          | 1599                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 154 / 6000                                    | 165 @ 6000               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                                    | 245 @ 1400-4000          |
| Hộp số                                         | 6AT                                           | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                               | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                            | Độc lập Mc Pherson       |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                              | Bán độc lập              |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                           | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                           | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                    | 225/55 R18               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 8.6                                           | 8,73                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.1                                           | 6,26                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7                                             | 7,16                     |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                             |                          |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                | Normal/Sport/Manual      |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao(GVC Plus) |                          |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                               |                          |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                           | LED                      |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                             | ●                        |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                                             |                          |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                             |                          |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                                             |                          |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                             | ●                        |
| Đèn sương mù                                   | LED                                           |                          |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                           | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Sấy gương                                     | ●                        |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                             | ●                        |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                             |                          |

## NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

|                                      |                  |              |
|--------------------------------------|------------------|--------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                | ●            |
| Chất liệu ghế                        | Da Nappa         | Da phối vải  |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                | ●            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                |              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog & Digital | Digital 12.3 |
| Màn hình HUD                         | ●                |              |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8''              | AVN 8        |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                | ●            |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                | ●            |
| Khởi động nút bấm                    | ●                | ●            |
| Hệ thống âm thanh                    | 10 loa Bose      | 6 loa        |
| Lấy chuyển số                        | ●                | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                |              |
| Đèn trang trí nội thất               | -                |              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                | ●            |

## AN TOÀN:

|                                                 |                |     |
|-------------------------------------------------|----------------|-----|
| Số túi khí                                      | 6              | 6   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              |     |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              |     |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              |     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau    | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●              |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●              |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●              |     |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●              |     |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●              |     |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | MRCC Stop & Go | ●   |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360) | ●   |